

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tạo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Điệp;

Ông Trần Quốc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 581/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Tô Hoài Th, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà T và ông Th được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện. Đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm từ cách sống đến việc dạy con. Mỗi khi vợ chồng xảy ra tranh cãi thì ông Th bỏ nhà đi, bà T và ông Th đã sống ly thân khoảng hai năm nay. Xét

thấy, không còn tình cảm với ông Th và mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cho nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Có 02 người con chung là Tô Nguyễn Gia H, sinh ngày 12/8/2006 (nữ) và Tô Nguyễn Thảo Th1, sinh ngày 06/9/2010 (nữ) hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại biên bản hòa giải ngày 24 tháng 8 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, bị đơn ông Tô Hoài Th trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Th thống nhất với lời trình bày của bà T về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Ông Th xác định giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như bà T trình bày là đúng, bà T và ông Th đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Ông Th thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do lỗi của ông Th, trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng thì ông Th cũng không phụ giúp về kinh tế để bà T chăm lo cho gia đình và các con. Tuy nhiên, việc ông Th không phụ giúp về kinh tế để bà T chăm lo cho gia đình và các con là do bà T yêu cầu, vì ông Th còn phải chăm lo cho cha mẹ, gia đình ông Th. Việc vợ chồng mỗi khi xảy ra tranh cãi thì ông Th có đi khỏi nhà là đúng, nhưng việc ông Th đi khỏi nhà là do bà T không cho ông Th tiếp tục sống chung nhà với bà T. Ông Th xác định mâu thuẫn giữa ông Th và bà T chưa đến mức trầm trọng có thể hàn gắn được và ông Th vẫn còn tình cảm yêu thương bà T, cho nên ông Th không đồng ý ly hôn với bà T, ông Th yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tô Nguyễn Gia H, sinh ngày 12/8/2006 (nữ) và Tô Nguyễn Thảo Th1, sinh ngày 06/9/2010 (nữ) như bà T trình bày là đúng. Mặc dù cháu H được sinh ra trước khi ông Th và bà T kết hôn nhưng ông Th thừa nhận cháu H là con chung của ông Th và bà T. Con chung hiện nay đang sống chung với bà T. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì ông Th yêu cầu được nuôi cháu Th1, đồng ý giao con chung là cháu H cho bà T nuôi dưỡng. Ông Th không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nhưng ông Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H theo pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Ông Th và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:** Bà T vẫn bảo lưu yêu cầu xin ly hôn với ông Th, yêu cầu nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu Tòa án giải quyết. Ông Th đồng ý ly hôn với bà T, con chung có 01 người tên Th1, còn bà T có 01 người con riêng tên H, đồng ý giao con cho bà T, không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **Về nội dung vụ án:**

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Tô Hoài Th có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên kết hôn với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42 ngày 07 tháng 3 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Tô Hoài Th được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà T xin ly hôn với ông Th là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm từ cách sống đến việc dạy con. Mặt khác, ông Th có quen với người phụ nữ khác bên ngoài và thường hay nhắn tin qua lại với nhau nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, mỗi khi vợ chồng xảy ra cự cãi thì bà T đuổi ông Th ra khỏi nhà, ông Th tự ái nên bỏ nhà đi vài ngày thì về, hiện bà T và ông Th đã sống ly thân khoảng hai năm nay. Ông Th cho rằng chỉ nhắn tin qua lại với bạn bè bình thường, nhưng vợ chồng cứ thường xuyên cự cãi với nhau và mỗi khi vợ chồng xảy ra cự cãi thì bà T đuổi ông Th ra khỏi nhà nên ông Th mới bỏ nhà đi, hiện vợ chồng đã sống ly thân khoảng hai năm nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T với ông Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Bà T được ly hôn với ông Th theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con là Tô Nguyễn Gia H, sinh ngày 12/8/2006 (nữ) và Tô Nguyễn Thảo Th1, sinh ngày 06/9/2010 (nữ) hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con. Tại phiên tòa ông Th xác định chỉ có 01 người con chung là cháu Tô Nguyễn Thảo Th1, sinh ngày 06/9/2010 (nữ) còn cháu Tô Nguyễn Gia H, sinh ngày 12/8/2006 (nữ) là con riêng của bà T. Bà T cũng thừa nhận cháu H là con riêng của bà T,

không yêu cầu giải quyết về con riêng; Do đó, có căn cứ xác định chỉ có cháu Th1 là con chung của bà T và ông Th. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Tô Nguyễn Thảo Th1 thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao con tên Tô Nguyễn Thảo Th1, sinh ngày 06/9/2010 (nữ) cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Riêng đối với cháu H là con riêng của bà T, hiện sống chung với bà T thì bà T cứ tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc, Hội đồng xét xử không xem xét, bà T có thể điều chỉnh lại giấy khai sinh của cháu H, xác định cha ruột của cháu H hoặc có tranh chấp về con chung đối với cháu H thì bà T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để xác định cha cho con.

Ông Th không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà T phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T. Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Tô Hoài Th.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Cẩm T nuôi dưỡng và chăm sóc 01 người con tên Tô Nguyễn Thảo Th1, sinh ngày 06/9/2010 (nữ).

Ông Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà T phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004121 ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

*“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.*

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tạo**